BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 44/2025/TT-BNNMT	*Hà Nội, ngày 06 tháng 8 năm 2025*

THÔNG TƯ
Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 14 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật và Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Môi trường, Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại (QCVN 07:2025/BNNMT).

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 09 tháng 02 năm 2026.

2. Các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia sau đây hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, trừ trường hợp quy định tại Điều 3 Thông tư này:

a) QCVN 07:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại ban hành kèm theo Thông tư số 25/2009/TT-BTNMT ngày 16 tháng 11 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường (sau đây viết tắt là QCVN 07:2009/BTNMT);

b) QCVN 50:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước ban hành kèm theo Thông tư số 32/2013/TT-BTNMT ngày 25 tháng 10 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường (sau đây viết tắt là QCVN 50:2013/BTNMT).

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các vụ việc đang triển khai phân định, phân loại chất thải theo quy định của pháp luật trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành được tiếp tục áp dụng theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng: QCVN 07:2009/BTNMT, QCVN 50:2013/BTNMT cho đến hết thời điểm xử lý vụ việc theo quy định của pháp luật.

2. Chủ nguồn thải đã thực hiện phân định, phân loại chất thải theo quy định của pháp luật trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành không phải thực hiện phân định lại chất thải, trừ trường hợp có thành phần nguy hại thay đổi ngưỡng chất thải nguy hại theo hướng nghiêm ngặt, chặt chẽ hơn so với QCVN 07:2009/BTNMT, QCVN 50:2013/BTNMT hoặc có thay đổi khác quy định tại Mục 5.1.2 QCVN 07:2025/BNNMT.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các cấp, Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

2. Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu phát sinh vướng mắc, cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh bằng văn bản về Bộ Nông nghiệp và Môi trường để được xem xét, giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Công Thành

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

QCVN 07:2025/BNNMT

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ NGƯỠNG CHẤT THẢI NGUY HẠI

National Technical Regulation on Hazardous Waste Thresholds

HÀ NỘI - 2025

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

QCVN 07:2025/BNNMT

Lời nói đầu

QCVN 07:2025/BNNMT do Cục Môi trường biên soạn, Vụ Khoa học và Công nghệ trình duyệt; Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định và được ban hành theo Thông tư số 44/2025/TT-BNNMT ngày 06 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

QCVN 07:2025/BNNMT thay thế các Quy chuẩn:

QCVN 07:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại.

QCVN 50:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

QCVN 07:2025/BNNMT

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ NGƯỠNG CHẤT THẢI NGUY HẠI

National Technical Regulation on Hazardous Waste Thresholds

1. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Phạm vi điều chỉnh

1.1.1. Quy chuẩn này quy định ngưỡng chất thải nguy hại đối với chất thải công nghiệp phải kiểm soát và các loại chất thải khác cho mục đích cụ thể.

1.1.2. Quy chuẩn này không áp dụng đối với chất thải phóng xạ, chất thải ở thể khí và hơi.

1.2. Đối tượng áp dụng

Quy chuẩn này áp dụng đối với các cơ quan nhà nước; tổ chức, cá nhân có liên quan đến phân định, phân loại chất thải và quan trắc, phân tích chất thải.

1.3. Giải thích từ ngữ

Trong quy chuẩn này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.3.1. "***NH***" là ký hiệu viết tắt của chất thải nguy hại (sau đây viết tắt là CTNH) thuộc Danh mục chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát và chất thải rắn công nghiệp thông thường ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (sau đây gọi chung là Danh mục chất thải).

1.3.2. "***KS"*** là ký hiệu viết tắt của chất thải công nghiệp phải kiểm soát trong Danh mục chất thải.

1.3.3. *Ngưỡng CTNH (còn gọi là ngưỡng nguy hại của chất thải)* là giới hạn định lượng tính chất nguy hại hoặc thành phần nguy hại của một chất thải làm cơ sở để phân định, phân loại và quản lý CTNH.

1.3.4. *Chất thải đồng nhất (homogeneous)* là chất thải có thành phần và tính chất hóa - lý tương đối đồng nhất tại mọi điểm trong khối chất thải.

1.3.5. *Hỗn hợp chất thải* là hỗn hợp của ít nhất hai loại chất thải đồng nhất, kể cả trường hợp có nguồn gốc do kết cấu hay cấu thành có chủ định (như các phương tiện, thiết bị thải). Các chất thải đồng nhất cấu thành nên hỗn hợp chất thải được gọi là chất thải thành phần. Hỗn hợp chất thải mà các chất thải thành phần đã

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

được hòa trộn với nhau một cách tương đối đồng nhất về tính chất hóa - lý tại mọi điểm trong khối hỗn hợp chất thải thì được coi là chất thải đồng nhất.

1.3.6. *Tạp chất bám dính* là các chất liên kết chặt trên bề mặt (với độ dày trung bình không quá 01 mm hoặc hàm lượng không quá 01% trên tổng khối lượng chất thải, không bị rời ra trong điều kiện bình thường) của chất thải hoặc hỗn hợp chất thải nền dạng rắn và không được coi là chất thải thành phần trong hỗn hợp chất thải.

1.3.7. *Nồng độ ngâm chiết* (eluate/leaching) là nồng độ của một thành phần nguy hại trong dung dịch sau ngâm chiết khi áp dụng phương pháp ngâm chiết để chuẩn bị mẫu.

1.3.8. *Hàm lượng tuyệt đối* là hàm lượng phần trăm (%) hoặc phần triệu (ppm) của một thành phần nguy hại trong chất thải.

1.3.9. Mã *số CAS (Chemical Abstracts Service)* là mã số đăng ký hóa chất của Hiệp hội Hóa chất Hoa Kỳ.

2. QUY ĐỊNH KỸ THUẬT VỀ NGƯỠNG CTNH

2.1. Nguyên tắc chung

2.1.1. Một chất thải có ký hiệu **KS** trong Danh mục chất thải được phân định là CTNH nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

2.1.1.1. Có ít nhất một tính chất nguy hại vượt ngưỡng CTNH (nhiệt độ chớp cháy, độ kiềm hoặc độ axit) quy định tại Bảng 1 Quy chuẩn này.

2.1.1.2. Có ít nhất một thành phần nguy hại vượt ngưỡng CTNH (lớn hơn hoặc bằng) quy định tại Bảng 2 và Bảng 3 Quy chuẩn này.

2.1.2. Trường hợp một chất thải **KS** đã được phân định là CTNH thì chỉ được phân loại theo tên và mã CTNH của loại có chứa một (hoặc một nhóm) thành phần nguy hại nhất định.

2.2. Giá trị ngưỡng CTNH

2.2.1. Các tính chất nguy hại

Bảng 1. Ngưỡng CTNH về tính chất nguy hại

TT	Tính chất nguy hại	Ngưỡng CTNH
1.	Nhiệt độ chớp cháy	≤ 60 °C
2.	Tính kiềm (pH)	≥ 12,5
3.	Tính axít (pH)	≤ 2,0

2.2.2. Các thành phần nguy hại

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

QCVN 07:2025/BNNMT

Bảng 2. Ngưỡng CTNH về thành phần nguy hại (tính theo nồng độ ngâm chiết)

TT	Thành phần nguy hại	Công thức hóa học	Mã số CAS	Ngưỡng CTNH (tính theo nồng độ ngâm chiết (mg/L))
I	**Nhóm kim loại và hợp chất vô cơ của chúng (tính theo kim loại)**			
1.	Antimon (Antimony) (1)	Sb	7440-36-0	≥ 15
2.	Asen (Arsenic) (#)	As	7440-38-2	≥ 5,0
3.	Nicken (Nickel) (1)	Ni	7440-02-0	≥ 70
4.	Bari (Barium)	Ba	7440-39-3	≥ 100
5.	Cadmi (Cadmium) (#)	Cd	7440-43-9	≥ 1,0
6.	Chì (Lead) (1)	Pb	7439-92-1	≥ 5,0
7.	Crom (Chromium) (1) (#)	Cr	7440-47-3	≥ 5,0
8.	Selen (Selenium) (#)	Se	7782-49-2	> 1,0
9.	Thủy ngân (Mercury) (#)	Hg	7439-97-6	≥ 0,2
10.	Coban (Cobalt)	Co	7440-48-4	≥ 80
11.	Tali (Thallium)	Ta	7440-28-0	≥ 7,0
12.	Vanadi (Vanadium)	Va	7440-62-2	≥ 25
II	**Nhóm dẫn xuất halogen và hydrocacbon dễ bay hơi**			
13.	Benzen (Benzene) (#)	C_6H_6	71-43-2	≥ 0,5
14.	Cacbon tetraclorua (Carbon tetrachloride) (#)	CCl_4	56-23-5	≥ 0,5
15.	Clobenzen (Chlorobenzene)	C_6H_5Cl	108-90-7	≥ 100
16.	Clorofom (Chloroform) (#)	$CHCl_3$	67-66-3	≥ 6,0

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

TT	Thành phần nguy hại	Công thức hóa học	Mã số CAS	Ngưỡng CTNH (tính theo nồng độ ngâm chiết (mg/L))
17.	1,4-Diclobenzen (1,4-Dichlorobenzene) (#)	$C_6H_4Cl_2$	106-46-7	≥ 7,5
18.	1,2-Dicloetan (1,2-Dichloroethane) (#)	$C_2H_4Cl_2$	107-06-2	≥ 0,5
19.	1,1-Dicloetylen (1,1-Dichloroethylene) (#)	$C_2H_2Cl_2$	75-35-4	≥ 0,7
20.	Tetracloetylen (Tetrachloroethylene) (#)	C_2Cl_4	127-18-4	≥ 0,7
21.	Tricloetylen (Trichloroethylene) (#)	C_2HCl_3	79-01-6	≥ 0,5
22.	Vinyl clorua (Vinyl chloride) (#)	C_2H_3Cl	75-01-4	> 0,5
III	**Nhóm hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ**			
23.	Andrin (Aldrin) (#)	$C_{12}H_8Cl_6$	309-00-2	≥ 0,5
24.	Clodan (Chlordane) (#)	$C_{10}H_6Cl_8$	57-74-9	≥ 0,03
25.	Tổng DDD, DDE, DDT (bao gồm các đồng phân o, p, p') (#)	-	-	≥ 1,0
26.	Dieldrin (Dieldrin) (#)	$C_{12}H_8Cl_6O$	60-57-1	≥ 0,02
27.	BHC (Benzene Hexachloride) (bao gồm: α-BHC; β-BHC; δ-BHC; γ-BHC) (#)	$C_6H_6Cl_6$		≥ 0,4
28.	Tổng Endosulfan (#)	$C_9H_6Cl_6O_3S$	-	≥ 0,2
29.	Endrin (Endrin) (#)	$C_{12}H_8Cl_6O$	72-20-8	≥ 0,02

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

QCVN 07:2025/BNNMT

TT	Thành phần nguy hại	Công thức hóa học	Mã số CAS	Ngưỡng CTNH (tính theo nồng độ ngâm chiết (mg/L))
30.	Heptaclo và Heptaclo epoxit (Heptachlor and its epoxide) (#)	$C_{10}H_5Cl_7$	76-44-8	≥ 0,008
31.	Hexaclobenzen (Hexachlorobenzene) (#)	C_6Cl_6	118-74-1	≥ 0,13
32.	Hexaclobutadien (Hexachlorobutadiene) (#)	C_4Cl_6	87-68-3	≥ 0,5
33.	Hexacloetan (Hexachloroethane) (#)	C_2Cl_6	67-72-1	≥ 3,0
34.	Toxaphen (Toxaphene) (#)	$C_{10}H_{10}Cl_8$	8001-35-2	≥ 0,5
35.	Mirex (Mirex) (#)	$C_{10}Cl_{12}$	2385-85-5	≥ 0,7
36.	Pentaclobenzen (Pentachlorobenzene) (#)	C_6HCl_5	608-93-5	≥ 3,0
37.	Kepon (Kepone) (tên khác: Clodecon (Chlordecone)) (#)	$C_{10}H_{10}O$	143-50-0	≥ 2,0
38.	Metoxyclo (Methoxychlor)	$C_{16}H_{15}Cl_3O_2$	72-43-5	≥ 10
IV	**Nhóm hóa chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ và hóa chất bảo vệ thực vật khác**			
39.	Disulfoton (Disulfoton) (#)	$C_8H_{19}O_2PS_3$	298-04-4	≥ 0,1
40.	Metyl paration (Methyl parathion) (#)	$(CH_3O)_2PSO\text{-}C_6H_4NO_2$	298-00-0	≥ 1,0
41.	Paration (Parathion) (#)	$C_{10}H_{14}NO_5PS$	56-38-2	≥ 20
42.	Silvex/2,4,5-TP (2,4,5-TP (Silvex)) (#)	$C_9H_7Cl_3O_3$	93-72-1	≥ 1,0
43.	2,4-Diclophenoxyaxetic axit (2,4-D) (#)	$C_6H_3Cl_2O\ CH_2COOH$	94-75-7	≥ 10

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

TT	Thành phần nguy hại	Công thức hóa học	Mã số CAS	Ngưỡng CTNH (tính theo nồng độ ngâm chiết (mg/L))
V	**Nhóm thành phần hữu cơ khác**			
44.	Tổng Cresol (Total Cresol)	$CH_3C_6H_4OH$		≥ 200
45.	2,4-Dinitrotoluen (2,4-Dinitrotoluene) (#)	$CH_3C_6H_3(NO_2)_2$	121-14-2	≥ 0,13
46.	Metyl etyl keton (Methyl ethyl ketone)	C_4H_8O	78-93-3	≥ 200
47.	Nitrobenzen (Nitrobenzene) (#)	$C_6H_5NO_2$	98-95-3	≥ 2,0
48.	Pentaclophenol (Pentachlorophenol)	C_6OHCl_5	87-86-5	≥ 100
49.	Pyridin (Pyridine) (#)	C_5H_5N	110-86-1	≥ 5,0
50.	2,4,5-Triclophenol (2,4,5-Trichlorophenol)	$C_6H_2Cl_3OH$	95-95-4	≥ 400
51.	2,4,6-Triclophenol (2,4,6-Trichlorophenol) (#)	$C_6H_2Cl_3OH$	88-06-2	≥ 2,0
52.	Pyren (Pyrene) (#)	$C_{16}H_{10}$	129-00-0	≥ 5,0
53.	Phenol (Phenol)	C_6H_5OH	108-95-2	≥ 1 000
54.	Tổng Dioxin (bao gồm các cấu tử: 2,3,7,8-TCDD; 1,2,3,7,8-PeCDD; 1,2,3,4,7,8-HxCDD; 1,2,3,6,7,8-HxCDD; 1,2,3,7,8,9-HxCDD; 1,2,3,4,6,7,8-HpCDD; OCDD) (#)	-	-	≥ 0,005
55.	Tổng Furan (bao gồm các cấu tử: 2,3,7,8-TCDF; 2,3,4,7,8-PeCDF;	-	-	≥ 0,01

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

TT	Thành phần nguy hại	Công thức hóa học	Mã số CAS	Ngưỡng CTNH (tính theo nồng độ ngâm chiết (mg/L))
	1,2,3,7,8-PeCDF; 1,2,3,4,7,8-HxCDF; 1,2,3,6,7,8-HxCDF; 1,2,3,7,8,9-HxCDF; 2,3,4,6,7,8-HxCDF; 1,2,3,4,6,7,8-HpCDF; 1,2,3,4,7,8,9-HpCDF; OCDF) (#)			

Chú thích:

(1) Trường hợp các phế liệu kim loại của antimon, niken, chì, crom hoặc phế liệu hợp kim có chứa các kim loại này được làm sạch, không lẫn tạp chất, không chứa các thành phần nguy hại khác vượt ngưỡng CTNH, ở dạng thanh, khối, tấm, đoạn thanh, đoạn ống, đầu mẩu, đầu tấm, đầu cắt, phoi, sợi, mảnh (không phải dạng bột), được tách riêng cho mục đích tái chế, tái sử dụng thì các kim loại này không tính là thành phần nguy hại vô cơ trong phế liệu.

(#) Thành phần nguy hại đặc biệt (có tính chất cực độc hoặc có khả năng gây ung thư hay gây đột biến gen rất cao).

Bảng 3. Ngưỡng CTNH về thành phần nguy hại (tính theo hàm lượng tuyệt đối (phân tích tổng số))

TT	Thành phần nguy hại	Công thức hóa học	Số CAS	Ngưỡng CTNH (tính theo hàm lượng tuyệt đối (ppm (1)))
1.	Tổng dầu mỡ khoáng	-	-	≥ 1 000
2.	Xyanua hoạt động (Cyanides amenable) (#)	CN^-	-	≥ 30
3.	Tổng Xyanua (Total cyanides)	CN^-	-	≥ 590
4.	PCB (Polychlorinated biphenyls) (#), tính theo các cấu tử: PCB 28, PCB 52, PCB 101, PCB 138, PCB 153, PCB 180	-	1336-36-3	≥ 5,0

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

TT	Thành phần nguy hại	Công thức hóa học	Số CAS	Ngưỡng CTNH (tính theo hàm lượng tuyệt đối (ppm [1]))
Chú thích: [1] Đơn vị ppm được tính mg/kg theo khối lượng khô (chất thải rắn) hoặc mg/L (chất thải lỏng). [#] Thành phần nguy hại đặc biệt (có tính chất cực độc hoặc có khả năng gây ung thư hay gây đột biến gen rất cao).				

3. PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH

3.1. Phương pháp xác định tính chất CTNH và thành phần CTNH quy định tại Quy chuẩn này được thực hiện theo quy định tại Phụ lục 1 Quy chuẩn này.

3.2. Chấp thuận các phương pháp đo đạc, lấy mẫu, thử nghiệm khác (chưa được viện dẫn tại Cột 2 và Cột 3 Phụ lục 1 Quy chuẩn này), bao gồm: TCVN; phương pháp tiêu chuẩn quốc gia của một trong các quốc gia thuộc Nhóm các quốc gia công nghiệp phát triển (G7), Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Châu Âu (CEN/EN), các quốc gia thành viên của Liên minh Châu Âu, hoặc Tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế (ISO).

3.3. Nguyên tắc lấy mẫu, phân tích, phân định và phân loại CTNH:

Ngoài quy định cụ thể về phương pháp lấy mẫu nêu trong các phương pháp xác định quy định tại Phụ lục 1 Quy chuẩn này, việc lấy mẫu, phân tích, phân định và phân loại CTNH phải được tiến hành theo nguyên tắc cơ bản sau:

3.3.1. Đối với các chất thải đồng nhất ở thể rắn: Lấy ít nhất 03 mẫu đại diện ngẫu nhiên ở các vị trí khác nhau trong khối chất thải (có tính đến sự phân bố đại diện của kích thước các hạt hoặc phần tử trong khối chất thải) và sử dụng giá trị trung bình của kết quả phân tích để so sánh với ngưỡng CTNH.

3.3.2. Đối với chất thải lỏng, bùn hoặc hỗn hợp của chúng: Phải khuấy, trộn đều (nếu có thể) để thành phần tương đối đồng nhất trước khi lấy ít nhất 03 mẫu đại diện ngẫu nhiên ở các vị trí khác nhau và sử dụng giá trị trung bình của kết quả phân tích để so sánh với ngưỡng CTNH.

3.3.3. Đối với hỗn hợp chất thải rắn hoặc hỗn hợp giữa chất thải rắn và chất thải lỏng, bùn: Sử dụng tối đa các biện pháp cơ học phù hợp (chặt, cắt, bóc, cạo, ly tâm, trọng lực, thổi khí... nhưng không được sử dụng nước hoặc dung môi để

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

rửa, tách) để tách riêng các chất thải thành phần và lấy mẫu đối với từng chất thải thành phần này theo quy định tại Mục 3.3.1 hoặc 3.3.2 Quy chuẩn này; sử dụng giá trị trung bình của kết quả phân tích đối với từng chất thải thành phần để so sánh với ngưỡng CTNH. Trường hợp không thể tách riêng các chất thải thành phần bằng các biện pháp cơ học thì trộn đều khối chất thải (nếu có thể) và lấy ít nhất 09 mẫu phân bố đều theo cách chia đều các phần trong khối chất thải (mỗi phần lấy 01 mẫu) và sử dụng giá trị trung bình của kết quả phân tích để so sánh với ngưỡng CTNH.

3.3.4. Đối với chất thải rắn có tạp chất bám dính: Lấy 03 mẫu đại diện ngẫu nhiên ở các vị trí khác nhau của chất thải nền (chất thải đồng nhất ở thể rắn) mà có tạp chất bám dính và sử dụng giá trị trung bình của kết quả phân tích để so sánh với ngưỡng CTNH. Nếu chất thải nền là hỗn hợp chất thải thì phải tách riêng các chất thải thành phần để phân định theo quy định tại Mục 3.3.3 Quy chuẩn này.

3.3.5. Đối với việc phân định chung một dòng chất thải phát sinh thường xuyên từ một nguồn thải nhất định có phải là CTNH hay không thì phải lấy mẫu vào ít nhất 03 ngày khác nhau, thời điểm lấy mẫu của mỗi ngày phải khác nhau (đầu, giữa và cuối của một ca hoặc mẻ hoạt động), mỗi ngày lấy ít nhất 03 mẫu ngẫu nhiên ở các vị trí khác nhau sau đó trộn đều các mẫu của từng ngày thành 01 mẫu để phân tích và sử dụng giá trị trung bình của kết quả phân tích mẫu của 03 ngày để so sánh với ngưỡng CTNH.

3.4. Nguyên tắc lựa chọn các tính chất và thành phần nguy hại để phân tích:

Một chất thải bất kỳ chỉ cần có ít nhất một tính chất hoặc một thành phần nguy hại vượt ngưỡng CTNH quy định tại Bảng 1, Bảng 2 và Bảng 3 Quy chuẩn này thì phân định là CTNH. Do vậy, nếu chỉ để phân định một chất thải thuộc loại **KS** có phải CTNH hay không, trong quá trình lựa chọn phân tích mà phát hiện ra một tính chất hoặc một thành phần nguy hại vượt ngưỡng CTNH thì không phải tiến hành phân tích các tính chất hoặc thành phần nguy hại còn lại, trừ trường hợp phân tích cho mục đích khác. Việc lựa chọn phân tích các tính chất hoặc thành phần nguy hại được tiến hành như sau:

3.4.1. Đối với các tính chất nguy hại: Căn cứ vào đặc điểm của nguồn thải và chủng loại chất thải để lựa chọn việc phân tích tính dễ cháy, tính kiềm, tính axit

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

quy định tại Bảng 1 Quy chuẩn này. Nếu chắc chắn rằng đặc điểm nguồn thải và chủng loại chất thải không thể dẫn tới việc chất thải có các chất dễ cháy, tính kiềm hoặc tính axit thì chuyển sang phân tích các thành phần nguy hại.

3.4.2. Đối với các thành phần nguy hại: Không nhất thiết phải phân tích tất cả các thành phần nguy hại quy định tại Bảng 2 và Bảng 3 Quy chuẩn này.

Căn cứ vào loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; công nghệ sản xuất, công nghệ xử lý chất thải; nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng và đặc điểm nguồn thải để lựa chọn, phân tích tối thiểu tính chất, thành phần nguy hại đặc trưng quy định tại cột 3 Phụ lục 2 Quy chuẩn này và một số tính chất, thành phần nguy hại khác có thể phát sinh quy định cột 4 Phụ lục 2 Quy chuẩn này.

3.5. Một số trường hợp thường gặp trong thực tế được quy định cụ thể như sau:

3.5.1. Đối với bao bì thải: Trước khi tiến hành lấy mẫu, phân tích để phân định, phân loại CTNH, các thành phần chất được chứa còn lại trong bao bì phải được loại bỏ tối đa khỏi vật liệu bao bì bằng các biện pháp cơ học phù hợp (bóc, tách, cạo,... đối với thành phần rắn, bùn hoặc trọng lực, ly tâm,... đối với thành phần bùn, lỏng, nhưng không được sử dụng nước hoặc hóa chất để rửa, tách, tẩy), đảm bảo chỉ còn lại các thành phần bám dính (với độ dày trung bình dưới 01 mm hoặc hàm lượng dưới 01%). Lấy mẫu, phân tích riêng biệt cho vật liệu bao bì (có các thành phần bám dính) và thành phần chất được chứa đã tách riêng ra có phải là CTNH hay không theo quy định tại Phần 2 Quy chuẩn này. Nếu thành phần chất được chứa đã tách riêng ra là CTNH thì phân định luôn toàn bộ bao bì là CTNH mà không cần phân tích vật liệu bao bì. Nếu thành phần chất được chứa chỉ còn lại ở dạng tạp chất bám dính thì không cần khâu loại bỏ bằng các biện pháp cơ học mà lấy mẫu, phân tích luôn.

3.5.2. Đối với các phương tiện, thiết bị thải (ví dụ phương tiện giao thông, thiết bị điện, điện tử,...): Việc lấy mẫu, phân tích để phân định, phân loại CTNH phải được tiến hành cho từng chất thải thành phần (bộ phận hoặc vật liệu cấu thành nên phương tiện, thiết bị, ví dụ dầu máy).

3.5.3. Dầu, hoá chất hoặc dung môi thải chỉ được phân loại, áp mã theo loại chất thải có gốc halogen hữu cơ hoặc có thành phần halogen hữu cơ nếu nồng độ ngâm chiết trừ PCB tính theo hàm lượng tuyệt đối) của ít nhất một thành phần halogen hữu cơ vượt ngưỡng CTNH (theo quy định tương ứng tại Bảng 2 hoặc Bảng 3 Quy chuẩn này.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

4. QUY ĐỊNH QUẢN LÝ

4.1. Mọi chất thải thuộc loại **NH** hoặc hỗn hợp chất thải có chứa ít nhất một chất thải thành phần thuộc loại **NH** trong Danh mục chất thải không phải lấy mẫu, phân tích để so sánh với ngưỡng CTNH mà phân định ngay là CTNH hoặc hỗn hợp CTNH.

4.2. Mọi chất thải thuộc loại **KS** hoặc hỗn hợp chất thải thuộc loại **KS** khi chưa chứng minh được không phải là CTNH thì phải được quản lý theo các quy định đối với CTNH.

4.3. Nếu một dòng chất thải phát sinh thường xuyên (có tính chất lặp đi lặp lại một cách tương đối ổn định) từ một nguồn thải nhất định (như bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải) có tính chất hoặc thành phần nguy hại lúc vượt ngưỡng, lúc không vượt ngưỡng (dưới ngưỡng) CTNH tại các thời điểm lấy mẫu khác nhau thì phải phân định chung dòng chất thải đó là CTNH, trừ trường hợp phân định riêng cho từng lô chất thải riêng lẻ trong dòng chất thải đó.

4.4. Hỗn hợp chất thải có ít nhất một chất thải thành phần là CTNH bị coi là CTNH (hay hỗn hợp CTNH) và phải quản lý theo các quy định đối với CTNH.

4.5. Trường hợp nguồn chất thải có một hoặc một số tính chất, thành phần nguy hại khác chưa được quy định tại Bảng 1, Bảng 2 và Bảng 3 Quy chuẩn này thì áp dụng theo tiêu chuẩn quốc gia về bảo vệ môi trường của một trong các quốc gia thuộc Nhóm các quốc gia công nghiệp phát triển (G7).

4.6. Việc phân định, phân loại CTNH quy định tại Quy chuẩn này được thực hiện thông qua quan trắc, phân tích tính chất và thành phần nguy hại của mẫu chất thải.

4.7. Kết quả quan trắc, phân tích tính chất và thành phần nguy hại của mẫu chất thải là căn cứ để chủ nguồn thải quản lý chất thải theo quy định; là căn cứ để cơ quan nhà nước xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

4.8. Việc quan trắc, phân tích tính chất và thành phần nguy hại quy định tại Quy chuẩn này để cung cấp thông tin, số liệu cho cơ quan nhà nước phải được thực hiện bởi tổ chức đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường theo quy định của pháp luật. Việc quan trắc, phân tích tính chất và thành phần nguy hại khác quy định tại Mục 4.5 Quy chuẩn này được thực hiện bởi tổ chức đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm theo quy định của pháp luật.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

4.9. Việc phân định chất thải nguy hại đối với các loại chất thải khác cho mục đích cụ thể được thực hiện như đối với chất thải công nghiệp phải kiểm soát quy định tại Quy chuẩn này. Việc lựa chọn tính chất và thành phần nguy hại để phân tích đối với các loại chất thải khác cho mục đích cụ thể được thực hiện theo nguyên tắc quy định tại Mục 3.4 Quy chuẩn này hoặc theo từng mục đích cụ thể.

5. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

5.1. Chủ nguồn thải có trách nhiệm:

5.1.1. Thực hiện quan trắc, phân tích tối thiểu 01 (một) lần về tính chất và thành phần nguy hại của chất thải trong toàn bộ quá trình hoạt động (không bao gồm quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định) để phân định chất thải theo quy định.

5.1.2. Trường hợp có thay đổi về công nghệ sản xuất, công nghệ xử lý chất thải, nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng và thay đổi khác dẫn tới thay đổi tính chất và thành phần nguy hại của chất thải thì phải thực hiện phân định lại chất thải theo quy định.

5.2. Chủ nguồn thải có trách nhiệm thực hiện phân định, phân loại chất thải để quản lý chất thải theo quy định và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả phân định, phân loại chất thải.

5.3. Chủ nguồn thải có trách nhiệm lưu giữ kết quả phân tích, phân định chất thải trong thời hạn tối thiểu là 05 năm.

5.4. Tổ chức, cá nhân thực hiện lấy mẫu, phân tích để thực hiện phân định, phân loại chất thải theo quy định tại Mục 3 Quy chuẩn này.

6. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

6.1. Cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy chuẩn này.

6.2. Trường hợp các văn bản, quy định được viện dẫn trong Quy chuẩn này sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản, quy định mới./.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

QCVN 07:2025/BNNMT

Phụ lục 1

Phương pháp, kỹ thuật lấy mẫu chất thải và xác định các thành phần trong chất thải

TT	Lấy mẫu, thành phần	Phương pháp thử nghiệm và số hiệu tiêu chuẩn
(1)	(2)	(3)
1	Lấy mẫu	TCVN 9466:2021 TCVN 12951:2020 TCVN 13920:2023 TCVN 13921:2023 TCVN 12539:2018 TCVN 12540:2018 TCVN 6663-13:2015 TCVN 13922:2023
2	Phương pháp ngâm chiết (đối với các thành phần nguy hại quy định tại Bảng 2 Quy chuẩn này)	US EPA Method 1311
3	pH	US EPA Method 9045D US EPA Method 9040C
4	Nhiệt độ chớp cháy	ASTM D3278-96 TCVN 2699:1995 TCVN 7498:2005
5	Antimon (Antimony)	US EPA Method 6020B US EPA Method 200.7 US EPA Method 200.8
6	Asen (Arsenic)	TCVN 9239:2012 SMEWW 3113B:2023 SMEWW 3114.C:2023 US EPA Method 6020B US EPA Method 200.7 US EPA Method 200.8 US EPA Method 7060A

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

TT	Lấy mẫu, thành phần	Phương pháp thử nghiệm và số hiệu tiêu chuẩn
(1)	(2)	(3)
7	Nicken (Nickel)	TCVN 9239:2012 SMEWW 3111B:2023 US EPA Method 6020B US EPA Method 200.7 US EPA Method 200.8
8	Bari (Barium)	TCVN 9239:2012 SMEWW 3111D:2023 US EPA Method 6020B US EPA Method 200.7 US EPA Method 200.8
9	Cadmi (Cadmium)	TCVN 9239:2012 SMEWW 3111B:2023 SMEWW 3113B:2023 US EPA Method 6020B US EPA Method 200.7 US EPA Method 200.8
10	Chì (Lead)	TCVN 9239:2012 SMEWW 3111B:2023 SMEWW 3113B:2023 US EPA Method 6020B US EPA Method 200.7 US EPA Method 200.8
11	Crom (Chromium)	TCVN 9239:2012 SMEWW 3111B:2023 US EPA Method 6020B US EPA Method 200.7 US EPA Method 200.8
12	Selen (Selenium)	TCVN 9239:2012 US EPA Method 6020B SMEWW 3114.C:2023 US EPA Method 200.7 US EPA Method 245.1

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

QCVN 07:2025/BNNMT

TT	Lấy mẫu, thành phần	Phương pháp thử nghiệm và số hiệu tiêu chuẩn
(1)	(2)	(3)
13	Thủy ngân (Mercury)	TCVN 9239:2012 US EPA Method 6020B SMEWW 3112B:2023 US EPA Method 200.8 US EPA Method 200.7 US EPA Method 245.1
14	Coban (Cobalt)	TCVN 9239:2012 SMEWW 3111B:2023 US EPA Method 6020B US EPA Method 200.7 US EPA Method 200.8
15	Tali (Thallium)	TCVN 9239:2012 SMEWW 3111B:2023 US EPA Method 6020B US EPA Method 200.7 US EPA Method 200.8
16	Vanadi (Vanadium)	TCVN 9239:2012 SMEWW 3111B:2023 US EPA Method 6020B US EPA Method 200.7 US EPA Method 200.8
17	Benzen (Benzene)	US EPA Method 3510C US EPA Method 3540C US EPA Method 3620C US EPA Method 5030C US EPA Method 8260D US.EPA Method 5035A
18	Cacbon tetraclorua (Carbon tetrachloride)	US EPA Method 5030C US EPA Method 8260D US.EPA Method 5035A
19	Clobenzen (Chlorobenzene)	US EPA Method 3510C US EPA Method 3540C US EPA Method 3620C US EPA Method 5030C US EPA Method 8260D US.EPA Method 5035A

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

TT	Lấy mẫu, thành phần	Phương pháp thử nghiệm và số hiệu tiêu chuẩn
(1)	(2)	(3)
20	Clorofom (Chloroform)	US EPA Method 5030C US EPA Method 8260D US EPA Method 5021A
21	1,4-Diclobenzen (1,4-Dichlorobenzene)	US EPA Method 5021A US EPA Method 8260D US EPA Method 5030C
22	1,2-Dicloetan (1,2-Dichloroethane)	US EPA Method 5030C US EPA Method 8260D US.EPA Method 5035A
23	1,1-Dicloetylen (1,1-Dichloroethylene)	US EPA Method 5030C US EPA Method 8260D
24	Tetracloetylen (Tetrachloroethylene)	US EPA Method 5030C US EPA Method 8260D US.EPA Method 5035A
25	Tricloetylen (Trichloroethylene)	US EPA Method 5021A US EPA Method 8260D US.EPA Method 5035A
26	Vinyl clorua (Vinyl chloride)	US EPA Method 5030C US EPA Method 8260D US EPA Method 5021A
27	Andrin (Aldrin)	US EPA Method 3510C US.EPA Method 3620C US EPA Method 8270E
28	Clodan (Chlordane)	US EPA Method 3510C US EPA Method 3540C US EPA Method 3620C US EPA Method 3620C US EPA Method 8270E
29	Tổng DDD, DDE, DDT (bao gồm các đồng phân o, p, p')	US EPA Method 3510C US EPA Method 8270E
30	Dieldrin (Dieldrin)	US EPA Method 3510C US EPA Method 8270E

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

QCVN 07:2025/BNNMT

TT	Lấy mẫu, thành phần	Phương pháp thử nghiệm và số hiệu tiêu chuẩn
(1)	(2)	(3)
31	BHC (Benzene Hexachloride) (bao gồm: α-BHC; β-BHC; δ-BHC; γ-BHC)	US EPA Method 3535A US EPA Method 8081B US EPA Method 8270E
32	Tổng Endosulfan	US EPA Method 3510C US EPA Method 8270E
33	Endrin (Endrin)	US EPA Method 3510C US EPA Method 3540C US EPA Method 3620C US EPA Method 3535A US EPA Method 8081B US EPA Method 8270E
34	Heptaclo và Heptaclo epoxit (Heptachlor and its epoxide)	US EPA Method 3510C US EPA Method 3540C US EPA Method 3620C US EPA Method 8270E
35	Hexaclobenzen (Hexachlorobenzene)	US EPA Method 3510C US EPA Method 3540C US EPA Method 3620C US EPA Method 8270E
36	Hexaclobutadien (Hexachlorobutadiene)	US EPA Method 3510C US EPA Method 3540C US EPA Method 3620C US EPA Method 8270E
37	Hexacloetan (Hexachloroethane)	US EPA Method 3510C US EPA Method 3540C US EPA Method 3620C US EPA Method 8270E

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

TT	Lấy mẫu, thành phần	Phương pháp thử nghiệm và số hiệu tiêu chuẩn
(1)	(2)	(3)
38	Toxaphen (Toxaphene)	US EPA Method 3510C US EPA Method 3630C US EPA Method 8270E
39	Mirex (Mirex)	US EPA Method 3510C US EPA Method 3630C US EPA Method 8270E
40	Pentaclobenzen (Pentachlorobenzene)	US EPA Method 3510C US EPA Method 3630C US EPA Method 8270E
41	Kepon (Kepone) (tên khác là Clodecon (Chlordecone))	US EPA Method 3510C US EPA Method 3630C US EPA Method 8270E
42	Metoxyclo (Methoxychlor)	US EPA Method 3510C US EPA Method 3540C US EPA Method 3620C US EPA Method 8270E
43	Disulfoton (Disulfoton)	US EPA Method 3510C US EPA Method 3620C US EPA Method 8270E
44	Metyl paration (Methyl parathion)	US EPA Method 3510C US EPA Method 3620C US EPA Method 8270E
45	Paration (Parathion)	US EPA Method 3510C US EPA Method 3620C US EPA Method 8270E
46	Silvex/2,4,5-TP (2,4,5-TP (Silvex))	US EPA Method 8151A US EPA Method 8321 US EPA Method 8085

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

QCVN 07:2025/BNNMT

TT	Lấy mẫu, thành phần	Phương pháp thử nghiệm và số hiệu tiêu chuẩn
(1)	(2)	(3)
47	2,4-Diclophenoxyaxetic axit (2,4-D)	US EPA Method 3630C US EPA Method 3535A US EPA Method 8081B
48	Tổng Cresol (Total Cresol)	US EPA Method 3510C US EPA Method 3630C US EPA Method 8270E
49	2,4-Dinitrotoluen (2,4-Dinitrotoluene)	US EPA Method 8270E
50	Metyl etyl keton (Methyl ethyl ketone)	US EPA Method 5021A US EPA Method 8260D
51	Nitrobenzen (Nitrobenzene)	US EPA Method 8270E
52	Pentaclophenol (Pentachlorophenol)	US EPA Method 3510C US EPA Method 3630C US EPA Method 8270E
53	Pyridin (Pyridine)	US EPA Method 8270E
54	2,4,5-Triclophenol (2,4,5-Trichlorophenol)	US EPA Method 3510C US EPA Method 3630C US EPA Method 8270E
55	2,4,6-Triclophenol (2,4,6-Trichlorophenol)	US EPA Method 3510C US EPA Method 3630C US EPA Method 8270E
56	Pyren (Pyrene)	US EPA Method 3510C US EPA Method 3630C US EPA Method 8100
57	Phenol (Phenol)	US EPA Method 3510C US EPA Method 3630C US EPA Method 8270E

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

TT	Lấy mẫu, thành phần	Phương pháp thử nghiệm và số hiệu tiêu chuẩn
(1)	(2)	(3)
58	Tổng Dioxin (bao gồm các cấu tử: 2,3,7,8-TCDD; 1,2,3,7,8-PeCDD; 1,2,3,4,7,8-HxCDD; 1,2,3,6,7,8-HxCDD; 1,2,3,7,8,9-HxCDD; 1,2,3,4,6,7,8-HpCDD; OCDD)	US EPA Method 1613B
59	Tổng Furan (bao gồm các cấu tử: 2,3,7,8-TCDF; 2,3,4,7,8-PeCDF; 1,2,3,7,8-PeCDF; 1,2,3,4,7,8-HxCDF; 1,2,3,6,7,8-HxCDF; 1,2,3,7,8,9-HxCDF; 2,3,4,6,7,8-HxCDF; 1,2,3,4,6,7,8-HpCDF; 1,2,3,4,7,8,9-HpCDF; OCDF)	US EPA Method 1613B
60	Tổng dầu mỡ khoáng	US EPA Method 9071B US EPA Method 1664B (trường hợp có lẫn dầu mỡ động thực vật)
61	Xyanua hoạt động (Cyanides amenable)	US EPA Method 9013A US EPA Method 9014 US EPA Method 9010C SMEWW 4500-CN-.C&E:2023 ISO 14403-2:2017
62	Tổng Xyanua (Total cyanides)	US EPA Method 9013A US EPA Method 9014 US EPA Method 9010C SMEWW 4500-CN-.C&E:2023 ISO 14403-2:2017
63	PCB (Polychlorinated biphenyls), tính theo các cấu tử: PCB 28, PCB 52, PCB 101, PCB 138, PCB 153, PCB 180	US EPA Method 3540C US EPA Method 3580A US EPA Method 3620C US EPA Method 3630C US EPA Method 8270E

Chú thích:
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia của Việt Nam.
- US EPA Method: Phương pháp của Cơ quan bảo vệ môi trường Hoa Kỳ.
- ASTM: Tiêu chuẩn của Hiệp hội Thử nghiệm và Vật liệu Hoa Kỳ.
- ISO: Tiêu chuẩn của Tổ chức tiêu chuẩn quốc tế.
- SMEWW: Phương pháp chuẩn thử nghiệm nước và nước thải.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Phụ lục 2
Tính chất và thành phần nguy hại đặc trưng của chất thải công nghiệp phải kiểm soát theo nhóm nguồn/dòng thải chính (*)

Mã chất thải	Tên chất thải	Tính chất, thành phần nguy hại đặc trưng	Tính chất, thành phần nguy hại khác có thể phát sinh
(1)	(2)	(3)	(4)
01	**CHẤT THẢI TỪ NGÀNH THĂM DÒ, KHAI THÁC, CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN, DẦU KHÍ VÀ THAN**		
01 01	**Chất thải từ quá trình chế biến quặng kim loại đen bằng phương pháp hóa - lý**		
01 01 02	Các loại quặng đuôi khác có các thành phần nguy hại	pH, một số kim loại theo thực tế loại quặng chế biến	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
01 01 03	Chất thải khác có các thành phần nguy hại từ quá trình chế biến quặng sắt	pH, một số kim loại theo thực tế loại quặng chế biến	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
01 02	**Chất thải từ quá trình chế biến quặng kim loại màu bằng phương pháp hóa - lý**		
01 02 01	Chất thải có các thành phần nguy hại từ quá trình chế biến quặng kim loại màu bằng phương pháp hóa - lý	pH, một số kim loại theo thực tế loại quặng chế biến	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
01 02 03	Các loại quặng đuôi khác có các thành phần nguy hại	pH, một số kim loại theo thực tế loại quặng chế biến	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng

(*) Danh mục chất thải công nghiệp phải kiểm soát nêu tại Phụ lục này được dẫn chiếu từ quy định tại Mục C Mẫu số 01 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Mã chất thải	Tên chất thải	Tính chất, thành phần nguy hại đặc trưng	Tính chất, thành phần nguy hại khác có thể phát sinh
(1)	(2)	(3)	(4)
01 03	**Bùn thải và các chất thải khác từ quá trình khoan**		
01 03 01	Bùn thải và chất thải có dầu từ quá trình khoan	pH, nhiệt độ chớp cháy, tổng dầu mỡ khoáng, một số kim loại và hydrocacbon dễ bay hơi theo thực tế địa chất	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
01 03 02	Bùn thải và chất thải có các thành phần nguy hại (khác với dầu) từ quá trình khoan	pH, một số kim loại theo thực tế địa chất	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
01 06	**Chất thải từ quá trình tinh chế và vận chuyển khí tự nhiên**		
01 06 01	Chất thải có thuỷ ngân	pH, thủy ngân	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
01 07	**Chất thải từ quá trình chế biến khoáng sản phi kim bằng phương pháp hóa - lý**		
01 07 01	Chất thải có các thành phần nguy hại từ quá trình chế biến khoáng sản phi kim bằng phương pháp hóa - lý	pH	Theo thực tế loại khoáng sản chế biến và nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
02	**CHẤT THẢI TỪ QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT, ĐIỀU CHẾ, CUNG ỨNG VÀ SỬ DỤNG HOÁ CHẤT VÔ CƠ**		
02 01	**Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng axit**		

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Mã chất thải	Tên chất thải	Tính chất, thành phần nguy hại đặc trưng	Tính chất, thành phần nguy hại khác có thể phát sinh
(1)	(2)	(3)	(4)
02 01 06	Các loại axit thải khác	pH	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
02 02	**Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng bazơ**		
02 02 02	Các loại bazơ thải khác với các loại trên	pH	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
02 03	**Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng, sử dụng muối, dung dịch muối và oxit kim loại**		
02 03 01	Muối và dung dịch muối thải có xyanua	pH, tổng Xyanua, Xyanua hoạt động, một số kim loại theo thực tế sản xuất	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
02 03 02	Muối và dung dịch muối thải có kim loại nặng	pH, một số kim loại theo thực tế sản xuất	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
02 03 03	Oxit kim loại thải có kim loại nặng	pH, một số kim loại theo thực tế sản xuất	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
02 04	**Chất thải khác có kim loại từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng, sử dụng muối, dung dịch muối và oxit kim loại**		
02 04 01	Chất thải có asen	pH, asen, một số kim loại khác theo thực tế sản xuất	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Mã chất thải	Tên chất thải	Tính chất, thành phần nguy hại đặc trưng	Tính chất, thành phần nguy hại khác có thể phát sinh
(1)	(2)	(3)	(4)
02 04 02	Chất thải có thuỷ ngân	pH, thủy ngân, một số kim loại khác theo thực tế sản xuất	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
02 04 03	Chất thải có các kim loại nặng khác	pH, một số kim loại theo thực tế sản xuất	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
02 06	**Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng, sử dụng, chế biến hóa chất lưu huỳnh và quá trình khử lưu huỳnh**		
02 06 01	Chất thải có hợp chất sunfua	pH	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
02 07	**Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng, sử dụng halogen và chuyển hóa hợp chất halogen**		
02 07 01	Chất thải có amiăng từ quá trình điện phân	pH	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
02 08	**Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng, sử dụng silic (silicon) và các dẫn xuất của silic**		
02 08 01	Chất thải có silic hữu cơ nguy hại	pH	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
02 09	**Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng, sử dụng và chế biến hóa chất photpho**		

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Mã chất thải	Tên chất thải	Tính chất, thành phần nguy hại đặc trưng	Tính chất, thành phần nguy hại khác có thể phát sinh
(1)	(2)	(3)	(4)
02 09 01	Chất thải có hay nhiễm các thành phần nguy hại từ phản ứng các hợp chất của canxi có photpho	pH	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
02 10	**Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng, sử dụng, chế biến hóa chất nitơ và sản xuất phân bón**		
02 10 01	Chất thải có các thành phần nguy hại	pH	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
02 11	**Chất thải khác từ các quá trình sản xuất, điều chế, chế biến, cung ứng hóa chất vô cơ**		
02 11 03	Chất thải từ quá trình chế biến amiăng	-	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
03	**CHẤT THẢI TỪ QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT, ĐIỀU CHẾ, CUNG ỨNG VÀ SỬ DỤNG HÓA CHẤT HỮU CƠ**		
03 02	**Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng, sử dụng nhựa, cao su tổng hợp và sợi nhân tạo**		
03 02 09	Chất phụ gia thải có các thành phần nguy hại	-	Theo thực tế công nghệ sản xuất, sản phẩm và nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
03 02 10	Chất thải có silic hữu cơ nguy hại	-	Theo thực tế công nghệ sản xuất, sản phẩm và nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Mã chất thải	Tên chất thải	Tính chất, thành phần nguy hại đặc trưng	Tính chất, thành phần nguy hại khác có thể phát sinh
(1)	(2)	(3)	(4)
03 04	**Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng các sản phẩm thuốc bảo vệ thực vật, chất bảo quản gỗ và các loại biôxit (biocide) hữu cơ khác**		
03 04 09	Chất thải rắn có các thành phần nguy hại	Một số hóa chất bảo vệ thực vật và một số chất hữu cơ theo thực tế sản phẩm sản xuất	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
03 05	**Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế và cung ứng dược phẩm**		
03 05 09	Chất thải rắn có các thành phần nguy hại	-	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
04	**CHẤT THẢI TỪ NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN VÀ CÁC CƠ SỞ ĐỐT KHÁC**		
04 01	**Chất thải từ nhà máy nhiệt điện**		
04 01 01	Tro bay và bụi lò hơi có dầu (chỉ áp dụng trong trường hợp sử dụng nhiên liệu mặc định là dầu, không áp dụng nếu chỉ dùng dầu để khởi động)	Tổng dầu mỡ khoáng	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
04 02	**Chất thải từ các cơ sở đốt khác**		
04 02 01	Tro đáy, xỉ và bụi lò hơi có các thành phần nguy hại từ quá trình đồng xử lý trong các cơ sở đốt	Nhóm kim loại, tổng Dioxin, tổng Furan	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
04 02 02	Tro bay có các thành phần nguy hại từ quá trình đồng xử lý (đốt)	Nhóm kim loại, tổng Dioxin, tổng Furan	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Mã chất thải	Tên chất thải	Tính chất, thành phần nguy hại đặc trưng	Tính chất, thành phần nguy hại khác có thể phát sinh
(1)	(2)	(3)	(4)
04 02 03	Chất thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý khí thải	pH	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
04 02 05	Bùn thải pha loãng có các thành phần nguy hại từ quá trình vệ sinh lò hơi	pH	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
04 02 13	Tro bay chứa than hoạt tính từ hệ thống xử lý khí thải	Một số chất hữu cơ theo thực tế sản phẩm sản xuất	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
05	**CHẤT THẢI TỪ NGÀNH LUYỆN KIM VÀ ĐÚC KIM LOẠI**		
05 01	**Chất thải từ ngành công nghiệp gang thép**		
05 01 01	Chất thải rắn có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý khí thải	Nhóm kim loại	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
05 01 02	Chất thải lẫn dầu từ quá trình xử lý nước làm mát	Tổng dầu mỡ khoáng	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
05 01 03	Bùn thải và bã lọc có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý khí thải	pH, nhóm kim loại	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
05 02	**Chất thải từ quá trình nhiệt luyện nhôm**		
05 02 01	Xỉ từ quá trình sản xuất sơ cấp từ quặng	Nhóm kim loại	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Mã chất thải	Tên chất thải	Tính chất, thành phần nguy hại đặc trưng	Tính chất, thành phần nguy hại khác có thể phát sinh
(1)	(2)	(3)	(4)
05 02 03	Xỉ đen từ quá trình sản xuất thứ cấp từ chất thải, phế liệu	Nhóm kim loại	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
05 02 05	Chất thải có hắc ín (tar) từ quá trình sản xuất cực anot	-	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
05 02 06	Bụi khí thải có các thành phần nguy hại	Nhóm kim loại	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
05 02 07	Các loại bụi và hạt (bao gồm cả bụi nghiền bi) có các thành phần nguy hại	Nhóm kim loại	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
05 02 08	Bùn thải và bã lọc từ quá trình xử lý khí thải có các thành phần nguy hại	pH, nhóm kim loại	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
05 02 09	Chất thải rắn từ quá trình xử lý khí thải có các thành phần nguy hại khác với các loại trên	Nhóm kim loại	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
05 02 10	Chất thải lẫn dầu từ quá trình xử lý nước làm mát	Tổng dầu mỡ khoáng	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
05 02 11	Chất thải từ quá trình xử lý xỉ muối và xỉ đen có các thành phần nguy hại	Nhóm kim loại	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Mã chất thải	Tên chất thải	Tính chất, thành phần nguy hại đặc trưng	Tính chất, thành phần nguy hại khác có thể phát sinh
(1)	(2)	(3)	(4)
05 03	**Chất thải từ quá trình nhiệt luyện chì**		
05 03 01	Xỉ từ quá trình sản xuất sơ cấp và thứ cấp	Nhóm kim loại	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
05 03 02	Váng bọt từ quá trình sản xuất sơ cấp và thứ cấp	Nhóm kim loại	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
05 03 07	Chất thải lẫn dầu từ quá trình xử lý nước làm mát	Tổng dầu mỡ khoáng	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
05 04	**Chất thải từ quá trình nhiệt luyện kẽm**		
05 04 04	Chất thải lẫn dầu từ quá trình xử lý nước làm mát	Tổng dầu mỡ khoáng	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
05 05	**Chất thải từ quá trình nhiệt luyện đồng**		
05 05 02	Chất thải rắn từ quá trình xử lý khí thải	Nhóm kim loại	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
05 05 04	Chất thải lẫn dầu từ quá trình xử lý nước làm mát	Tổng dầu mỡ khoáng	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
05 06	**Chất thải từ quá trình nhiệt luyện vàng, bạc và platin**		
05 06 01	Chất thải lẫn dầu từ quá trình xử lý nước làm mát	Tổng dầu mỡ khoáng	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Mã chất thải	Tên chất thải	Tính chất, thành phần nguy hại đặc trưng	Tính chất, thành phần nguy hại khác có thể phát sinh
(1)	(2)	(3)	(4)
05 07	**Chất thải từ quá trình nhiệt luyện các kim loại màu khác**		
05 07 01	Xỉ có các thành phần nguy hại	Nhóm kim loại	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
05 07 03	Chất thải có hắc ín (tar) từ quá trình sản xuất cực anot	-	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
05 07 04	Bụi khí thải có các thành phần nguy hại	Nhóm kim loại	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
05 07 05	Bùn thải và bã lọc có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý khí thải	Nhóm kim loại	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
05 07 06	Chất thải lẫn dầu từ quá trình xử lý nước làm mát	Tổng dầu mỡ khoáng	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
05 08	**Chất thải từ quá trình đúc kim loại đen**		
05 08 01	Lõi và khuôn đúc thải có các thành phần nguy hại	Nhóm kim loại	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
05 08 02	Bụi khí thải có các thành phần nguy hại	Nhóm kim loại	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
05 08 03	Các loại bụi khác có các thành phần nguy hại	Nhóm kim loại	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Mã chất thải	Tên chất thải	Tính chất, thành phần nguy hại đặc trưng	Tính chất, thành phần nguy hại khác có thể phát sinh
(1)	(2)	(3)	(4)
05 08 04	Chất gắn khuôn thải có các thành phần nguy hại	Nhóm kim loại	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
05 08 05	Chất tách khuôn thải có các thành phần nguy hại	Nhóm kim loại	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
05 08 06	Xỉ và váng bọt từ quá trình nấu chảy kim loại đen có chứa các kim loại nặng	Nhóm kim loại	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
05 09	**Chất thải từ quá trình đúc kim loại màu**		
05 09 01	Lõi và khuôn đúc đã qua sử dụng có các thành phần nguy hại	Nhóm kim loại	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
05 09 02	Bụi khí thải có các thành phần nguy hại	Nhóm kim loại	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
05 09 03	Các loại bụi khác có các thành phần nguy hại	Nhóm kim loại	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
05 09 04	Chất gắn khuôn thải có các thành phần nguy hại	Nhóm kim loại	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
05 09 05	Chất tách khuôn thải có các thành phần nguy hại	Nhóm kim loại	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Mã chất thải	Tên chất thải	Tính chất, thành phần nguy hại đặc trưng	Tính chất, thành phần nguy hại khác có thể phát sinh
(1)	(2)	(3)	(4)
05 09 06	Xỉ và váng bọt từ quá trình nấu chảy kim loại màu có chứa các kim loại nặng	Nhóm kim loại	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
05 10	**Chất thải từ quá trình thuỷ luyện (hoàn nguyên bằng phương pháp hoá học hoặc điện phân trong môi trường dung dịch) kim loại màu**		
05 10 02	Chất thải từ quá trình thuỷ luyện đồng có các thành phần nguy hại	pH, nhóm kim loại	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
05 10 03	Các loại chất thải khác có các thành phần nguy hại	pH, nhóm kim loại	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
05 11	**Bùn thải và chất thải rắn từ quá trình tôi luyện**		
05 11 01	Chất thải có xyanua	pH, tổng Xyanua, Xyanua hoạt động	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
05 11 02	Các loại chất thải khác có các thành phần nguy hại	-	Theo thực tế công nghệ sản xuất và nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
06	**CHẤT THẢI TỪ NGÀNH SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ THUỶ TINH**		
06 01	**Chất thải từ quá trình sản xuất thuỷ tinh và sản phẩm thuỷ tinh**		

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Mã chất thải	Tên chất thải	Tính chất, thành phần nguy hại đặc trưng	Tính chất, thành phần nguy hại khác có thể phát sinh
(1)	(2)	(3)	(4)
06 01 01	Chất thải có các thành phần nguy hại từ hỗn hợp chuẩn bị trước quá trình xử lý nhiệt	-	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
06 01 02	Thủy tinh hoạt tính (ví dụ từ ống phóng catot) và các loại thuỷ tinh thải có kim loại nặng	-	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
06 01 03	Bùn nghiền và đánh bóng thuỷ tinh có các thành phần nguy hại	pH	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
06 01 04	Chất thải rắn có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý khí thải	-	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
06 01 05	Bùn thải và bã lọc có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý khí thải	pH	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
06 01 06	Cặn rắn có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải	pH	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng và đặc tính của nước thải
06 02	**Chất thải từ quá trình sản xuất hàng gốm sứ, gạch ngói, tấm ốp lát và các sản phẩm xây dựng khác**		
06 02 01	Chất thải rắn có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý khí thải	-	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Mã chất thải	Tên chất thải	Tính chất, thành phần nguy hại đặc trưng	Tính chất, thành phần nguy hại khác có thể phát sinh
(1)	(2)	(3)	(4)
06 02 02	Chất thải có kim loại nặng từ quá trình tráng men, mài bóng	Một số kim loại theo thực tế sản xuất	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
06 03	**Chất thải từ quá trình sản xuất xi măng, vôi, thạch cao và các sản phẩm liên quan**		
06 03 01	Chất thải có amiăng (trừ sản phẩm amiăng xi măng bị loại bỏ) từ quá trình sản xuất amiăng xi măng	-	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
06 03 02	Chất thải rắn có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý khí thải	-	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
07	**CHẤT THẢI TỪ QUÁ TRÌNH XỬ LÝ, CHE PHỦ BỀ MẶT, GIA CÔNG KIM LOẠI VÀ CÁC VẬT LIỆU KHÁC**		
07 01	**Chất thải từ quá trình xử lý, che phủ bề mặt kim loại và các vật liệu khác bằng phương pháp hóa học (ví dụ quá trình mạ điện, tráng kẽm, tẩy axit/bazơ, khắc axit, photphat hóa, tẩy mỡ nhờn bằng kiềm, anot hóa)**		
07 01 06	Dung dịch nước tẩy rửa thải có các thành phần nguy hại	pH, một số kim loại theo thực tế vật liệu	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
07 01 07	Chất thải có các thành phần nguy hại từ quá trình tẩy mỡ nhờn	pH, tổng dầu mỡ khoáng, một số kim loại theo thực tế vật liệu	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Mã chất thải	Tên chất thải	Tính chất, thành phần nguy hại đặc trưng	Tính chất, thành phần nguy hại khác có thể phát sinh
(1)	(2)	(3)	(4)
07 01 08	Bùn thải hoặc dung dịch ngâm chiết/tách rửa (eluate) có các thành phần nguy hại từ hệ thống màng hoặc hệ thống trao đổi ion	pH, một số kim loại theo thực tế vật liệu	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
07 01 10	Các chất thải khác có các thành phần nguy hại	pH, một số kim loại theo thực tế vật liệu	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
07 02	**Chất thải từ quá trình mạ điện**		
07 02 03	Nước thải từ quá trình mạ điện	pH, một số kim loại theo thực tế vật liệu	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng và đặc tính của nước thải
07 03	**Chất thải từ quá trình gia công tạo hình và xử lý cơ - lý bề mặt kim loại và các vật liệu khác**		
07 03 08	Các vật liệu mài dạng hạt thải có các thành phần nguy hại (cát, bột mài…)	Một số kim loại theo thực tế vật liệu	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
07 03 10	Vật thể dùng để mài đã qua sử dụng có các thành phần nguy hại (ví dụ đá mài, giấy ráp...)	Một số kim loại theo thực tế vật liệu	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
07 03 11	Phoi từ quá trình gia công tạo hình hoặc vật liệu bị mài ra lẫn dầu, nhũ tương hay dung dịch thải có dầu hoặc các thành phần nguy hại khác	Một số kim loại theo thực tế vật liệu, tổng dầu mỡ khoáng	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Mã chất thải	Tên chất thải	Tính chất, thành phần nguy hại đặc trưng	Tính chất, thành phần nguy hại khác có thể phát sinh
(1)	(2)	(3)	(4)
07 04	**Chất thải từ quá trình hàn**		
07 04 01	Que hàn thải có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	Một số kim loại theo thực tế vật liệu	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
07 04 02	Xỉ hàn có các kim loại nặng hoặc các thành phần nguy hại	Một số kim loại theo thực tế vật liệu	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
08	**CHẤT THẢI TỪ QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT, ĐIỀU CHẾ, CUNG ỨNG, SỬ DỤNG CÁC SẢN PHẨM CHE PHỦ (SƠN, VÉC NI, VẬT LIỆU TRÁNG MEN), CHẤT KẾT DÍNH, CHẤT BỊT KÍN VÀ MỰC IN**		
08 01	**Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng, sử dụng sơn, véc ni và chất che phủ khác (gồm cả vật liệu tráng men)**		
08 01 01	Cặn sơn, sơn và véc ni (loại có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác trong nguyên liệu sản xuất) thải	Một số chất hữu cơ thuộc nhóm dẫn xuất halogen và hydrocacbon dễ bay hơi và nhóm thành phần hữu cơ khác (không bao gồm Dioxin/Furan) theo thực tế thành phần sản phẩm	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Mã chất thải	Tên chất thải	Tính chất, thành phần nguy hại đặc trưng	Tính chất, thành phần nguy hại khác có thể phát sinh
(1)	(2)	(3)	(4)
08 01 02	Bùn thải lẫn sơn hoặc véc ni (loại có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác trong nguyên liệu sản xuất)	Một số chất hữu cơ thuộc nhóm dẫn xuất halogen và hydrocacbon dễ bay hơi và nhóm thành phần hữu cơ khác (không bao gồm Dioxin/Furan) theo thực tế thành phần sản phẩm	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
08 01 03	Chất thải từ quá trình cạo, bóc tách sơn hoặc véc ni (loại có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác trong nguyên liệu sản xuất)	Một số chất hữu cơ thuộc nhóm dẫn xuất halogen và hydrocacbon dễ bay hơi và nhóm thành phần hữu cơ khác (không bao gồm Dioxin/Furan) theo thực tế thành phần sản phẩm	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
08 01 04	Huyền phù nước thải lẫn sơn hoặc véc ni (loại có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác trong nguyên liệu sản xuất)	Một số chất hữu cơ thuộc nhóm dẫn xuất halogen và hydrocacbon dễ bay hơi và nhóm thành phần hữu cơ khác (không bao gồm	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Mã chất thải	Tên chất thải	Tính chất, thành phần nguy hại đặc trưng	Tính chất, thành phần nguy hại khác có thể phát sinh
(1)	(2)	(3)	(4)
		Dioxin/Furan) theo thực tế thành phần sản phẩm	
08 02	**Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng mực in**		
08 02 01	Mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất) thải	Một số chất hữu cơ dễ bay hơi thuộc nhóm dẫn xuất halogen và hydrocacbon dễ bay hơi	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
08 02 02	Bùn mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	Một số chất hữu cơ dễ bay hơi thuộc nhóm dẫn xuất halogen và hydrocacbon dễ bay hơi	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
08 02 04	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	Một số chất hữu cơ dễ bay hơi thuộc nhóm dẫn xuất halogen và hydrocacbon dễ bay hơi	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
08 03	**Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng, sử dụng chất kết dính và chất bịt kín (bao gồm cả sản phẩm chống thấm)**		
08 03 01	Chất kết dính và chất bịt kín (loại có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác trong nguyên liệu sản xuất)	Một số chất hữu cơ dễ bay hơi thuộc nhóm dẫn xuất halogen và hydrocacbon dễ bay hơi	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Mã chất thải	Tên chất thải	Tính chất, thành phần nguy hại đặc trưng	Tính chất, thành phần nguy hại khác có thể phát sinh
(1)	(2)	(3)	(4)
08 03 02	Bùn thải lẫn chất kết dính và chất bịt kín (loại có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác trong nguyên liệu sản xuất)	Một số chất hữu cơ dễ bay hơi thuộc nhóm dẫn xuất halogen và hydrocacbon dễ bay hơi	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
08 03 03	Chất thải lỏng lẫn chất kết dính và chất bịt kín (loại có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác trong nguyên liệu sản xuất)	Một số chất hữu cơ dễ bay hơi thuộc nhóm dẫn xuất halogen và hydrocacbon dễ bay hơi	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
09	**CHẤT THẢI TỪ NGÀNH CHẾ BIẾN GỖ, SẢN XUẤT CÁC SẢN PHẨM GỖ, GIẤY VÀ BỘT GIẤY**		
09 01	**Chất thải từ quá trình chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm gỗ**		
09 01 01	Mùn cưa, phoi bào, đầu mẩu, gỗ thừa, ván và gỗ dán vụn thải có các thành phần nguy hại	-	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
09 02	**Chất thải từ quá trình bảo quản gỗ**		
09 02 05	Các loại chất bảo quản gỗ thải khác có các thành phần nguy hại	-	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
10	**CHẤT THẢI TỪ NGÀNH CHẾ BIẾN DA, LÔNG VÀ DỆT NHUỘM**		
10 01	**Chất thải từ ngành chế biến da và lông**		

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Mã chất thải	Tên chất thải	Tính chất, thành phần nguy hại đặc trưng	Tính chất, thành phần nguy hại khác có thể phát sinh
(1)	(2)	(3)	(4)
10 01 01	Chất thải không ở pha lỏng có dung môi từ quá trình tẩy mỡ nhờn	-	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
10 01 02	Da thú có các thành phần nguy hại thải bỏ từ quá trình thuộc da và các quá trình liên quan	-	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
10 01 03	Cồn thuộc da chứa Crom	Crom	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
10 01 06	Bùn thải có chứa Crom	Crom	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
10 02	**Chất thải từ ngành dệt nhuộm**		
10 02 01	Chất thải từ quá trình hồ vải có dung môi hữu cơ	-	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
10 02 02	Phẩm màu và chất nhuộm thải có các thành phần nguy hại	-	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
10 02 04	Dung dịch thải có các thành phần nguy hại từ quá trình nhuộm	-	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Mã chất thải	Tên chất thải	Tính chất, thành phần nguy hại đặc trưng	Tính chất, thành phần nguy hại khác có thể phát sinh
(1)	(2)	(3)	(4)
11	**CHẤT THẢI XÂY DỰNG VÀ PHÁ DỠ (KỂ CẢ ĐẤT ĐÀO TỪ CÁC KHU VỰC BỊ Ô NHIỄM)**		
11 01	**Bê tông, gạch, ngói, tấm ốp và gốm sứ thải**		
11 01 01	Bê tông, gạch, ngói, tấm ốp và gốm sứ thải (hỗn hợp hay phân lập) có các thành phần nguy hại	-	Theo thực tế đặc điểm của nguồn thải phát sinh
11 02	**Gỗ, thuỷ tinh và nhựa**		
11 02 01	Thuỷ tinh, nhựa và gỗ thải có hoặc bị nhiễm các thành phần nguy hại	-	Theo thực tế đặc điểm của nguồn thải phát sinh
11 03	**Hỗn hợp bitum, nhựa than đá và sản phẩm có hắc ín thải**		
11 03 01	Hỗn hợp bitum có nhựa than đá thải	-	Theo thực tế đặc điểm của nguồn thải phát sinh
11 04	**Kim loại (bao gồm cả hợp kim của chúng)**		
11 04 01	Kim loại bị nhiễm các thành phần nguy hại	Một số kim loại theo thực tế đặc điểm của nguồn thải phát sinh	-
11 04 02	Cáp kim loại lẫn dầu, nhựa than đá và các thành phần nguy hại khác	Tổng dầu mỡ khoáng	Theo thực tế đặc điểm của nguồn thải phát sinh
11 05	**Đất, đá và bùn nạo vét**		
11 05 01	Đất đá thải có các thành phần nguy hại	-	Theo thực tế đặc điểm của nguồn thải phát sinh

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Mã chất thải	Tên chất thải	Tính chất, thành phần nguy hại đặc trưng	Tính chất, thành phần nguy hại khác có thể phát sinh
(1)	(2)	(3)	(4)
11 05 02	Bùn đất nạo vét có các thành phần nguy hại	-	Theo thực tế đặc điểm của nguồn thải phát sinh
11 05 03	Đá balat nhiễm các thành phần nguy hại	-	Theo thực tế đặc điểm của nguồn thải phát sinh
11 06	**Vật liệu cách nhiệt và vật liệu xây dựng có amiăng thải**		
11 06 01	Vật liệu cách nhiệt có amiăng thải	-	Theo thực tế đặc điểm của nguồn thải phát sinh
11 06 02	Các loại vật liệu cách nhiệt thải khác có hay bị nhiễm các thành phần nguy hại	-	Theo thực tế đặc điểm của nguồn thải phát sinh
11 06 03	Vật liệu xây dựng thải có amiăng (trừ amiăng xi măng)	-	Theo thực tế đặc điểm của nguồn thải phát sinh
11 07	**Vật liệu xây dựng gốc thạch cao thải**		
11 07 01	Vật liệu xây dựng gốc thạch cao thải có các thành phần nguy hại	-	Theo thực tế đặc điểm của nguồn thải phát sinh
11 08	**Các loại chất thải xây dựng và phá dỡ khác**		
11 08 01	Các chất thải xây dựng và phá dỡ có thuỷ ngân	Thủy ngân	Theo thực tế đặc điểm của nguồn thải phát sinh
11 08 02	Các chất thải xây dựng và phá dỡ có PCB (ví dụ chất bịt kín có PCB, chất rải sàn gốc nhựa có PCB, tụ điện có PCB)	PCB	Theo thực tế đặc điểm của nguồn thải phát sinh
11 08 03	Các loại chất thải xây dựng và phá dỡ khác (bao gồm cả hỗn hợp chất thải) có các thành phần nguy hại	-	Theo thực tế đặc điểm của nguồn thải phát sinh

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Mã chất thải	Tên chất thải	Tính chất, thành phần nguy hại đặc trưng	Tính chất, thành phần nguy hại khác có thể phát sinh
(1)	(2)	(3)	(4)
12	**CHẤT THẢI TỪ CÁC CƠ SỞ TÁI CHẾ, XỬ LÝ, TIÊU HUỶ CHẤT THẢI, NƯỚC THẢI VÀ XỬ LÝ NƯỚC CẤP**		
12 01	**Chất thải từ quá trình thiêu đốt hoặc nhiệt phân chất thải**		
12 01 05	Xỉ và tro đáy có các thành phần nguy hại	Nhóm kim loại	Tổng dầu mỡ khoáng
12 01 06	Tro bay (kể cả phun than hoạt tính) có dioxin/furan và các thành phần nguy hại	Nhóm kim loại, tổng Dioxin/Furan	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
12 01 07	Bụi lò hơi có các thành phần nguy hại	Nhóm kim loại	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
12 01 08	Chất thải nhiệt phân có các thành phần nguy hại	Nhóm kim loại	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
12 02	**Chất thải từ quá trình xử lý hóa - lý chất thải (bao gồm cả các quá trình xử lý crom, xử lý xyanua, trung hòa)**		
12 02 02	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý hóa - lý	pH, một số kim loại	Theo thực tế chủng loại, đặc điểm chất thải được xử lý
12 02 04	Chất thải lỏng dễ cháy có các thành phần nguy hại	pH, nhiệt độ chớp cháy	Theo thực tế chủng loại, đặc điểm chất thải được xử lý

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Mã chất thải	Tên chất thải	Tính chất, thành phần nguy hại đặc trưng	Tính chất, thành phần nguy hại khác có thể phát sinh
(1)	(2)	(3)	(4)
12 02 05	Chất thải rắn dễ cháy có các thành phần nguy hại	pH, nhiệt độ chớp cháy	Theo thực tế chủng loại, đặc điểm chất thải được xử lý
12 02 06	Các loại chất thải khác có các thành phần nguy hại	pH	Theo thực tế chủng loại, đặc điểm chất thải được xử lý
12 03	**Chất thải đã được ổn định hóa/hóa rắn**		
12 03 02	Chất thải nguy hại đã được hóa rắn	-	Theo thực tế chủng loại, đặc điểm chất thải được xử lý
12 05	**Chất thải phát sinh từ quá trình xử lý sinh học chất thải**		
12 05 01	Nước rỉ rác có các thành phần nguy hại	pH, tổng Xyanua, Xyanua hoạt động, phenol, nhóm các kim loại	Theo thực tế chủng loại, đặc điểm chất thải được xử lý
12 06	**Chất thải từ công trình xử lý nước thải chưa nêu tại các mã khác**		
12 06 05	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp	pH, tổng Xyanua, Xyanua hoạt động, nhóm các kim loại, tổng dầu mỡ khoáng, phenol, benzen	Theo thực tế chủng loại, đặc điểm chất thải được xử lý và nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng và đặc tính của nước thải

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Mã chất thải	Tên chất thải	Tính chất, thành phần nguy hại đặc trưng	Tính chất, thành phần nguy hại khác có thể phát sinh
(1)	(2)	(3)	(4)
12 07	**Chất thải từ quá trình tái chế, tận thu dầu**		
12 07 05	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải	pH, nhiệt độ chớp cháy, nhóm các kim loại, tổng dầu mỡ khoáng	Theo thực tế công nghệ tái chế, tận thu dầu và nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng và đặc tính của nước thải
12 08	**Chất thải từ quá trình sơ chế cơ học chất thải tại nơi phát sinh hoặc trung chuyển (ví dụ quá trình phân loại, băm, nghiền, nén ép, tạo hạt)**		
12 08 01	Gỗ thải có các thành phần nguy hại	-	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
12 08 02	Chất thải (bao gồm cả hỗn hợp) có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý cơ học chất thải	-	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
12 09	**Chất thải từ quá trình xử lý đất và nước cấp**		
12 09 01	Chất thải rắn có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý đất	-	Theo thực tế thành phần trong đất phải xử lý và nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
12 09 02	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý đất	pH	Theo thực tế thành phần trong đất phải xử lý và nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Mã chất thải	Tên chất thải	Tính chất, thành phần nguy hại đặc trưng	Tính chất, thành phần nguy hại khác có thể phát sinh
(1)	(2)	(3)	(4)
12 09 03	Bùn thải, cặn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước cấp	pH, nhóm các kim loại	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
12 09 04	Nước thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước cấp	pH, nhóm các kim loại	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng và đặc tính của nước thải
13	**CHẤT THẢI TỪ NGÀNH Y TẾ VÀ THÚ Y (trừ chất thải sinh hoạt của ngành này)**		
13 01	**Chất thải từ quá trình khám bệnh, điều trị và phòng ngừa bệnh ở người**		
13 01 02	Hóa chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	-	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
13 02	**Chất thải từ các hoạt động thú y**		
13 02 02	Hóa chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	-	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
14	**CHẤT THẢI TỪ NGÀNH NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP**		
14 01	**Chất thải từ việc sử dụng các hoá chất nông nghiệp (hóa chất bảo vệ thực vật và diệt trừ các loài gây hại)**		
14 01 01	Chất thải có dư lượng hóa chất trừ sâu và các loài gây hại (chuột, gián, muỗi...)	Nhóm hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ, phốt pho hữu cơ và hóa chất bảo vệ thực vật khác theo thực tế sử dụng	-

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Mã chất thải	Tên chất thải	Tính chất, thành phần nguy hại đặc trưng	Tính chất, thành phần nguy hại khác có thể phát sinh
(1)	(2)	(3)	(4)
14 01 02	Chất thải có dư lượng hóa chất trừ cỏ	2,4-D	Theo thực tế thành phần và hóa chất trừ cỏ sử dụng
14 01 03	Chất thải có dư lượng hóa chất diệt nấm	-	Theo thực tế thành phần và hóa chất diệt nấm sử dụng
14 01 05	Bao bì mềm thải (không chứa hóa chất nông nghiệp có gốc halogen hữu cơ)	-	Theo thực tế thành phần và hoá chất nông nghiệp sử dụng
14 01 06	Bao bì cứng thải (không chứa hóa chất nông nghiệp có gốc halogen hữu cơ)	-	Theo thực tế thành phần và hóa chất nông nghiệp sử dụng
14 02	**Chất thải từ chăn nuôi gia súc, gia cầm**		
14 02 02	Chất thải có các thành phần nguy hại từ quá trình vệ sinh chuồng trại	-	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
15	**CHẤT THẢI TỪ HOẠT ĐỘNG PHÁ DỠ, BẢO DƯỠNG THIẾT BỊ, PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG VẬN TẢI**		
15 01	**Chất thải phát sinh từ quá trình phá dỡ, bảo dưỡng phương tiện giao thông vận tải đường bộ, đường sắt, đường không (bao gồm cả các thiết bị ven đường)**		
15 01 03	Các thiết bị, bộ phận có thuỷ ngân	Thủy ngân	Theo thực tế thành phần vật liệu và loại phương tiện

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Mã chất thải	Tên chất thải	Tính chất, thành phần nguy hại đặc trưng	Tính chất, thành phần nguy hại khác có thể phát sinh
(1)	(2)	(3)	(4)
15 01 04	Các thiết bị, bộ phận có PCB	PCB	Theo thực tế thành phần vật liệu và loại phương tiện
15 01 06	Các chi tiết, bộ phận của phanh có amiăng	-	Theo thực tế thành phần vật liệu và loại phương tiện
15 01 08	Hóa chất chống đông thải có các thành phần nguy hại	-	Theo thực tế hóa chất chống đông
15 02	**Chất thải từ quá trình phá dỡ, bảo dưỡng phương tiện giao thông vận tải đường thuỷ**		
15 02 03	Các thiết bị, bộ phận đã qua sử dụng có thuỷ ngân	Thủy ngân	Theo thực tế thành phần vật liệu, loại phương tiện và hóa chất sử dụng
15 02 04	Các thiết bị, bộ phận đã qua sử dụng có PCB	PCB	Theo thực tế thành phần vật liệu, loại phương tiện và hóa chất sử dụng
15 02 06	Hóa chất chống đông thải có các thành phần nguy hại	-	Theo thực tế hóa chất chống đông
15 02 07	Các thiết bị, linh kiện, bộ phận có thành phần nguy hại khác với các loại trong mã 15 02	-	Theo thực tế thành phần vật liệu, loại phương tiện và hóa chất sử dụng

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Mã chất thải	Tên chất thải	Tính chất, thành phần nguy hại đặc trưng	Tính chất, thành phần nguy hại khác có thể phát sinh
(1)	(2)	(3)	(4)
15 02 08	Các vật liệu dạng hạt dùng để phun mài bề mặt phương tiện (xỉ đồng, cát…) đã qua sử dụng có hoặc lẫn các thành phần nguy hại (asen, chì, crom hoá trị 6...)	Một số kim loại	Theo thực tế thành phần vật liệu, loại phương tiện và hóa chất sử dụng
15 02 09	Vụn sơn, gỉ sắt được bóc tách từ bề mặt phương tiện có các thành phần nguy hại (asen, chì, crom hoá trị 6...)	Một số kim loại	Theo thực tế thành phần vật liệu, loại phương tiện và hóa chất sử dụng
15 02 10	Vật liệu cách nhiệt, chống cháy thải có amiăng	-	Theo thực tế thành phần vật liệu, loại phương tiện và hóa chất sử dụng
15 02 12	Nước thải lẫn dầu hoặc có các thành phần nguy hại (khác với các loại nêu tại mã 15 02 11 hoặc phân nhóm mã 17 04)	pH, tổng dầu mỡ khoáng	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
15 02 13	Bùn thải lẫn dầu hoặc có các thành phần nguy hại	pH, tổng dầu mỡ khoáng	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
16	**CHẤT THẢI HỘ GIA ĐÌNH VÀ CHẤT THẢI SINH HOẠT TỪ CÁC NGUỒN KHÁC**		
16 01	**Các thành phần chất thải đã được thu gom, phân loại (trừ các loại nêu phân nhóm mã 18 01)**		
16 01 09	Sơn, mực, chất kết dính và nhựa thải có các thành phần nguy hại	-	Theo thực tế loại vật liệu thải
16 01 10	Chất tẩy rửa thải có các thành phần nguy hại	-	Theo thực tế thành phần chất tẩy rửa thải

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Mã chất thải	Tên chất thải	Tính chất, thành phần nguy hại đặc trưng	Tính chất, thành phần nguy hại khác có thể phát sinh
(1)	(2)	(3)	(4)
16 01 14	Gỗ thải có các thành phần nguy hại	-	Theo thực tế loại vật liệu thải
17	**DẦU THẢI VÀ CHẤT THẢI LẪN DẦU, CHẤT THẢI TỪ NHIÊN LIỆU LỎNG, CHẤT THẢI DUNG MÔI HỮU CƠ, MÔI CHẤT LẠNH VÀ CHẤT ĐẨY**		
17 08	**Chất thải là dung môi hữu cơ, môi chất lạnh và chất đẩy (propellant) dạng bọt/sol khí (trừ các loại nêu tại nhóm mã 03 và 08)**		
17 08 04	Bùn thải hoặc chất thải rắn có dung môi halogen hữu cơ	Một số chất hữu cơ thuộc nhóm dẫn xuất halogen và hydrocacbon dễ bay hơi hoặc nhóm thành phần hữu cơ khác theo thực tế thành phần của dung môi sử dụng	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
17 08 05	Bùn thải hoặc chất thải rắn có các loại dung môi khác	Một số chất hữu cơ thuộc nhóm thành phần hữu cơ khác theo thực tế thành phần của dung môi sử dụng	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
18	**CÁC LOẠI CHẤT THẢI BAO BÌ, CHẤT HẤP THỤ, GIẺ LAU, VẬT LIỆU LỌC VÀ VẢI BẢO VỆ**		

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Mã chất thải	Tên chất thải	Tính chất, thành phần nguy hại đặc trưng	Tính chất, thành phần nguy hại khác có thể phát sinh
(1)	(2)	(3)	(4)
18 01	**Bao bì thải (bao gồm cả bao bì thải phát sinh từ đô thị đã được phân loại, trừ các loại nêu tại phân nhóm mã 14 01)**		
18 01 01	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	-	Theo thực tế đặc điểm, tính chất loại bao bì thải
18 01 02	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	-	Theo thực tế đặc điểm, tính chất loại bao bì thải
18 01 03	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	-	Theo thực tế đặc điểm, tính chất loại bao bì thải
18 01 04	Bao bì cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải bằng các vật liệu khác (như composit)	-	Theo thực tế đặc điểm, tính chất loại bao bì thải
18 02	**Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau và vải bảo vệ thải**		
18 02 01	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	-	Theo thực tế đặc điểm, tính chất chất hấp thụ, vật liệu lọc thải
19	**CÁC LOẠI CHẤT THẢI CHƯA NÊU TẠI CÁC MÃ KHÁC**		
19 01	**Chất thải từ ngành phim ảnh**		
19 01 06	Chất thải có bạc từ quá trình xử lý chất thải phim ảnh	-	Theo thực tế nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Mã chất thải	Tên chất thải	Tính chất, thành phần nguy hại đặc trưng	Tính chất, thành phần nguy hại khác có thể phát sinh
(1)	(2)	(3)	(4)
19 02	**Các thiết bị điện, điện tử thải và chất thải từ hoạt động sản xuất, lắp ráp thiết bị điện, điện tử (trừ các loại nêu tại nhóm mã 15 và 16)**		
19 02 01	Máy biến thế và tụ điện thải có PCB	PCB	Theo thực tế thành phần máy biến thế, tụ điện và nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
19 02 02	Các thiết bị điện thải khác có hoặc nhiễm PCB	PCB	Theo thực tế thành phần thiết bị điện và nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
19 02 04	Thiết bị điện thải có amiăng	-	Theo thực tế thành phần thiết bị điện và nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
19 02 08	Pin mặt trời thải (tấm quang năng thải)	Nhóm kim loại nặng	Theo thực tế thành phần tấm quang năng và nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng
19 03	**Các sản phẩm chưa qua sử dụng bị loại bỏ từ quá trình sản xuất**		
19 03 01	Sản phẩm vô cơ có các thành phần nguy hại	-	Một số tính chất và thành phần nguy hại vô cơ theo thực tế thành phần và chủng loại sản phẩm

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Mã chất thải	Tên chất thải	Tính chất, thành phần nguy hại đặc trưng	Tính chất, thành phần nguy hại khác có thể phát sinh
(1)	(2)	(3)	(4)
19 03 02	Sản phẩm hữu cơ có các thành phần nguy hại	-	Một số tính chất thành phần nguy hại hữu cơ theo thực tế thành phần và chủng loại sản phẩm
19 05	**Các bình chứa áp suất và hoá chất thải**		
19 05 02	Hóa chất và hỗn hợp hóa chất phòng thí nghiệm thải có các thành phần nguy hại	-	Theo thực tế hóa chất và hỗn hợp hóa chất sử dụng
19 05 03	Hóa chất vô cơ thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại (trừ các loại nêu tại nhóm mã 02, 13, 14 và 15)	-	Một số tính chất và thành phần nguy hại vô cơ theo thực tế hóa chất sử dụng
19 05 04	Hóa chất hữu cơ thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại (trừ các loại nêu tại nhóm mã 03, 13, 14 và 15)	-	Một số tính chất và thành phần nguy hại hữu cơ theo thực tế hóa chất sử dụng
19 07	**Chất thải từ quá trình vệ sinh thùng, bồn chứa và bể lưu động (trừ các loại nêu tại nhóm mã 01 và 17)**		
19 07 01	Chất thải lẫn dầu	Tổng dầu mỡ khoáng	Theo thực tế thành phần của vật liệu trong thùng, bồn chứa bể lưu động và hóa chất sử dụng

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Mã chất thải	Tên chất thải	Tính chất, thành phần nguy hại đặc trưng	Tính chất, thành phần nguy hại khác có thể phát sinh
(1)	(2)	(3)	(4)
19 07 02	Chất thải có các thành phần nguy hại (khác với dầu)	-	Theo thực tế thành phần của vật liệu trong thùng, bồn chứa bể lưu động và hóa chất sử dụng
19 08	**Chất xúc tác đã qua sử dụng**		
19 08 01	Chất xúc tác đã qua sử dụng có các kim loại chuyển tiếp hoặc hợp chất của chúng	-	Theo thực tế thành phần của chất xúc tác sử dụng và hóa chất sử dụng
19 08 02	Chất xúc tác đã qua sử dụng có axit photphoric	pH	Theo thực tế thành phần của chất xúc tác sử dụng và hóa chất sử dụng
19 08 04	Xúc tác đã qua sử dụng bị nhiễm các thành phần nguy hại	-	Theo thực tế thành phần của chất xúc tác sử dụng và hóa chất sử dụng
19 10	**Nước thải vận chuyển đi để xử lý bên ngoài cơ sở hoặc khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung (khác với các loại nêu tại nhóm mã 12)**		
19 10 01	Nước thải có các thành phần nguy hại	pH	Theo thực tế đặc điểm, tính chất của nguồn phát sinh nước thải và đặc tính của nước thải
19 10 02	Cặn nước thải có các thành phần nguy hại	pH	Theo thực tế đặc điểm, tính chất của nguồn phát sinh nước thải và đặc tính của nước thải

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Mã chất thải	Tên chất thải	Tính chất, thành phần nguy hại đặc trưng	Tính chất, thành phần nguy hại khác có thể phát sinh
(1)	(2)	(3)	(4)
19 11	**Vật liệu lót và chịu lửa thải**		
19 11 01	Vật liệu lót và chịu lửa thải gốc cacbon từ quá trình luyện kim có các thành phần nguy hại	-	Theo thực tế thành phần của vật liệu
19 11 02	Các loại vật liệu lót và chịu lửa thải khác từ quá trình luyện kim có các thành phần nguy hại	-	Theo thực tế thành phần của vật liệu
19 11 03	Vật liệu lót và chịu lửa thải có các thành phần nguy hại không phải từ quá trình luyện kim	-	Theo thực tế thành phần của vật liệu
19 12	**Các loại chất thải khác chưa nêu tại các mã khác hoặc không xác định được nguồn phát sinh**		
19 12 01	Các loại chất thải khác có các thành phần nguy hại vô cơ	-	Một số tính chất và thành phần nguy hại vô cơ theo thực tế đặc điểm, tính chất của nguồn phát sinh chất thải
19 12 02	Các loại chất thải khác có các thành phần nguy hại hữu cơ	-	Một số tính chất và thành phần nguy hại hữu cơ theo thực tế đặc điểm, tính chất của nguồn phát sinh chất thải
19 12 03	Các loại chất thải khác có các thành phần nguy hại vô cơ và hữu cơ	-	Theo thực tế đặc điểm, tính chất của nguồn phát sinh chất thải

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Mã chất thải	Tên chất thải	Tính chất, thành phần nguy hại đặc trưng	Tính chất, thành phần nguy hại khác có thể phát sinh
(1)	(2)	(3)	(4)
19 12 04	Các loại chất thải khác có tính ăn mòn	pH	Theo thực tế đặc điểm, tính chất của nguồn phát sinh chất thải
19 12 05	Các loại chất thải khác có tính dễ cháy	Nhiệt độ chớp cháy	Theo thực tế đặc điểm, tính chất của nguồn phát sinh chất thải

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn